

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/9/2019
“V/v Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thắng

2. Ông Trương Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nhật Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 218/2019/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2019, về vụ “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Kim Thị Trúc L, sinh năm 1979

Nơi ĐKKHKT: ấp TH, xã ĐP, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở: ấp ĐM, xã ĐM, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nguyên đơn có mặt.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh B, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: ấp TH, xã ĐP, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2019, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Kim Thị Trúc L trình bày: Chị và anh Huỳnh Thanh B được sự mai mối của người thân và đồng ý xác lập hôn nhân nên gia đình hai bên tổ chức lễ cưới cho chị và anh B theo phong tục tập quán vào năm 2000. Hôn nhân của chị và anh B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐM ngày 09/6/2000. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do

anh B nhiều lần hành hung, ngược đãi chị, xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị nên tháng 7 năm 2001 chị bỏ con về nhà người thân sống để anh B suy nghĩ mà thay đổi tính tình. Vì lo tương lai của con nên đến tháng 3 năm 2003 chị và anh B đã hàn gắn lại sống chung với nhau. Sau khi chị quay lại sống chung với anh B thì mâu thuẫn càng ngày phát sinh nhiều hơn, nhiều lần anh B bạo hành gia đình là đánh chị. Sự việc được chính quyền địa phương lập biên bản giáo dục nhưng anh B vẫn không sửa đổi tính tình nên từ ngày 05/4/2019 chị và anh B sống ly thân cho đến nay.

Nay chị L xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh B nên yêu cầu được ly hôn anh Huỳnh Thanh B.

Về con chung: Một người là Huỳnh Thanh T, sinh năm 2000 đã thành niên có khả năng lao động để tự nuôi bản thân, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L không tranh chấp nên không đặt yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Thanh B có lời trình bày như sau: Anh và chị Kim Thị Trúc L được gia đình giới thiệu rồi tìm hiểu nhau khoảng một năm quyết định tiến đến hôn nhân và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2000, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã ĐM cùng năm 2000. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc có một người chung tên là Huỳnh Thanh T, sinh năm 2000. Trong cuộc sống vợ không có xảy ra mâu thuẫn gì lớn, chỉ bất đồng quan điểm sống dẫn đến cự cãi nhau. Trong những lúc vợ chồng cự cãi chị L có những lời nói không tôn trọng anh và do không giữ được bình tĩnh nên có vài lần anh dùng tay đánh chị L. Nay anh xác định còn thương vợ, anh không đồng ý ly hôn với chị L nên không đặt ra giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như đã nêu trên và không có bổ sung tài liệu chứng cứ mới, cũng không có đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng nào khác. Đối với anh Huỳnh Thanh B vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt của anh.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Càng Long:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, trình tự khi thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đã thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh B vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt của anh. Do đó căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 5, 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị L. Cho chị L được ly hôn với anh B; Về con chung cháu Huỳnh Thanh T đã thành niên không giải quyết. Về tài sản chung chị L và anh B không đặt ra giải quyết đề nghị không xét. Về

nợ chung chị L khai không có và anh B không đặt ra giải quyết nên không xét; Về án phí buộc đương sự phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Kim Thị Trúc L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Thanh B có nơi cư trú tại ấp TH, xã ĐP, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[2]. Anh Huỳnh Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt của anh. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh B.

[3]. *Về hôn nhân:* Chị Kim Thị Trúc L và anh Huỳnh Thanh B tự nguyện kết hôn vào năm 2000, hôn nhân của chị L và anh B được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện C Long, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 20 vào ngày 09 tháng 6 năm 2000. Do đó, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của chị L và anh B là hợp pháp. Chị L và anh B chung sống hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, anh B còn có hành vi bạo lực gia đình là nhiều lần dùng vũ lực đánh chị L khi vợ chồng cự cãi nhau. Sự việc đã chính quyền địa phương lập biên bản giáo dục đối với anh B, anh B cũng viết cam kết không đánh chị L nữa nhưng anh vẫn không thay đổi tính tình nên từ tháng 4/2019 chị L và anh B đã sống ly thân nhau cho đến nay. Điều này chứng tỏ hôn nhân của chị L và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung:* Chị L và anh B có một người con chung là Huỳnh Thanh T, sinh năm 2000, hiện cháu T đã thành niên có khả năng lao động để tự nuôi mình, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5]. *Về tài sản chung:* Chị L và anh B không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] *Về nợ chung:* Chị L khai không có và anh B không đặt ra giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] *Về án phí:* Chị L là nguyên đơn khởi kiện không thuộc trường hợp miễn giảm án phí nên có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 17 Luật phí và lệ phí, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Kim Thị Trúc L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị Trúc L được ly hôn anh Huỳnh Thanh B.

Về con chung: Cháu Huỳnh Thanh T, sinh năm 2000 hiện đã thành niên có khả năng lao động để tự nuôi mình, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị L và anh B không đặt ra yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị L khai không có và anh B không đặt ra giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Kim Thị Trúc L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cản trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003761 ngày 25 tháng 6 năm 2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu, chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã ĐM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang